

Số: /BC-UBND

Tuần Giáo, ngày tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình phát triển giáo dục và đào tạo huyện Tuần Giáo

Căn cứ Công văn 468/SGDDĐT-VP ngày 03/3/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên về việc chuẩn bị nội dung làm việc giữa Sở GDĐT với UBND các huyện, thị xã, thành phố năm 2023;

Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2022-2023, UBND huyện Tuần Giáo báo cáo một số nội dung sau:

1. Quy mô phát triển trường, lớp học

Năm học 2022-2023, toàn huyện 66 trường, 01 trung tâm GDNN-GDTX, với 980 lớp, 27.944 học sinh cụ thể như sau:

TT	Cấp học	Số trường	Số lớp	Số học sinh	Ghi chú
1	Mầm non (nhà trẻ)		98	2.447	Tính cả 01 nhóm trẻ và 04 trẻ của nhóm trẻ Hoa Hồng
	Mầm non (mẫu giáo)	24	208	5.542	
2	Tiểu học	21	408	10.328	
3	THCS	17	202	7.173	Tính cả 15 lớp và 584 HS của trường THCS&THPT Quài Tở
4	THPT	4	60	2.323	
5	GDTX	1	4	131	
Cộng		67	980	27.944	

Huy động học sinh đi học:

- Mầm non: Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ ra lớp (từ 3 đến 36 tháng) ra lớp đạt 53,88%; trẻ từ 3-5 tuổi đạt 99,89%; trẻ 5 tuổi đạt 99,9%.

- Tiểu học: Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 99,8%; trẻ 6-10 tuổi học tiểu học đạt 99,7%.

- THCS: Tỷ lệ huy động trẻ 11 tuổi vào lớp 6 đạt 99,8%; trẻ 11-14 tuổi học THCS đạt 98,7%.

- THPT: Tỷ lệ huy động dân số 15 tuổi vào lớp 10 đạt 77,4%; tỷ lệ huy động dân số 15-18 tuổi học THPT và bổ túc THPT đạt 72,7%.

* Đánh giá kết quả huy động học sinh đi học ở các cấp học trên địa bàn huyện

- Ưu điểm: Tỷ lệ huy động dân số trong độ tuổi ra lớp các cấp học cơ bản đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch giao, đặc biệt là tỷ lệ huy động trẻ từ 03 đến dưới 36 tháng tuổi ra lớp đạt 53,88% (vượt chỉ tiêu kế hoạch giao 1,38%).

- Tồn tại: Tỷ lệ huy động dân số trong độ tuổi 11-14 tuổi học THCS; 15-18 tuổi học THPT và bổ túc THPT tại một số xã còn thấp so với mặt bằng chung của huyện (xã Ta Ma, Nà Tông, Pú Xi).

2. Cơ sở vật chất trường, lớp học

- Tổng số phòng học hiện có: 936 phòng (Khối Phòng GD&ĐT: 857 phòng, khối các trường THPT: 71 phòng, Trung tâm GDNN-GDTX: 08 phòng), trong đó số phòng học kiên cố: 810 phòng (tỷ lệ 86,5%), chia ra: khối Phòng GD&ĐT: 732 phòng (tỷ lệ 85,4%), khối các trường THPT: 10 phòng (tỷ lệ 98,6%), trung tâm GDNN-GDTX: 08 phòng (tỷ lệ 100%).

- Tổng số phòng học bộ môn hiện có: 222 phòng (khối Phòng GD&ĐT: 197 phòng, khối các trường THPT: 25 phòng, trong đó số phòng học kiên cố: 210 phòng (tỷ lệ 94,6%), chia ra: Khối phòng GD&ĐT: 185 phòng (tỷ lệ 93,9%), khối các trường THPT: 25 phòng (tỷ lệ 100%).

- Tổng số phòng ở cho học sinh nội trú hiện có: 347 phòng (khối Phòng GD&ĐT: 245 phòng, khối các trường THPT: 98 phòng, Trung tâm GDNN-GDTX: 04 phòng; trong đó số phòng nội trú kiên cố: 309 phòng (tỷ lệ 89,4%), chia ra: Khối Phòng GD&ĐT: 211 phòng (tỷ lệ 86,1%), khối các trường THPT: 98 phòng (tỷ lệ 100%).

- Tổng số phòng công vụ cho giáo viên hiện có: 216 phòng, trong đó số phòng kiên cố: 211 phòng (tỷ lệ 50,5%), chia ra: Khối Phòng GD&ĐT: 202 phòng (trong đó, kiên cố: 109 đạt tỷ lệ 54,0%), khối các trường THPT: 0 phòng (tỷ lệ 0%)

- Tổng số công trình vệ sinh cho giáo viên hiện có 97 công trình, trong đó số công trình kiên cố: 77 công trình (tỷ lệ 80,3%), chia ra: Khối Phòng GD&ĐT: 91 công trình (trong đó, kiên cố: 77 đạt 84,6%), khối THPT: 5 công trình (tỷ lệ kiên cố 100%), Trung tâm GDNN-GDTX: 01 công trình.

- Tổng số công trình vệ sinh cho học sinh hiện có 333 công trình, trong đó số công trình kiên cố: 231 công trình (tỷ lệ 69,6%), chia ra: Khối Phòng GD&ĐT: 327 công trình (trong đó, kiên cố: 226 đạt 69,1%), khối THPT: 5 công trình (tỷ lệ kiên cố 100%), trung tâm GDNN-GDTX: 01 công trình.

* Đánh giá chung về cơ sở vật chất trường lớp học

- Ưu điểm:

+ Khối phòng học cơ bản đáp ứng được nhu cầu dạy và học đối với các cơ sở giáo dục; đảm bảo 01 phòng/nhóm lớp đối với bậc mầm non và Tiểu học để thực hiện dạy và học 2 buổi/ngày; tỷ lệ phòng học/lớp đối với cấp THCS và THPT đảm bảo theo đúng quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GD&ĐT.

+ Khối phòng học bộ môn cơ bản đáp ứng được yêu cầu dạy, học và thực hiện Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới; các cơ sở giáo dục phổ thông đều có các phòng học bộ môn cơ bản (Tin học, Ngoại ngữ, KHTN) được trang bị thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định.

+ Khối nhà nội trú cho học sinh, nhà công vụ cho giáo viên được đầu tư xây dựng tại 100% các cơ sở giáo dục có học sinh bán trú, nội trú; tỉ lệ kiên cố hóa đối với các phòng nội trú cho học sinh tương đối cao, đáp ứng cơ bản nhu cầu của giáo viên và học sinh.

+ Hệ thống công trình vệ sinh được đầu tư tương đối đầy đủ tại các cơ sở giáo dục, 100% các cơ sở giáo dục đều có hệ thống nhà vệ sinh đạt chuẩn tại điểm trung tâm đáp ứng được nhu cầu của giáo viên và học sinh tại đơn vị.

- Tồn tại:

+ Khối phòng học một số cơ sở giáo dục được đầu tư từ nhiều năm nên có dấu hiệu xuống cấp; khối phòng học bộ môn tại đa số các cơ sở giáo dục chưa được đầu tư đồng bộ (phần lớn do cải tạo các phòng học văn hóa để lắp các thiết bị của phòng học bộ môn) nên việc khai thác, sử dụng đạt hiệu quả chưa cao.

+ Khối phòng nội trú cho học sinh còn thiếu so với nhu cầu thực tế của học sinh, một số khu nội trú của học sinh đã xuống cấp. Tỉ lệ kiên cố hóa đối với nhà công vụ của giáo viên còn thấp.

+ Một số cơ sở giáo dục thiếu nhà vệ sinh đạt chuẩn tại các điểm trường lẻ (đối với cấp Mầm non, Tiểu học).

* Thiết bị dạy học, máy tính, máy chiếu phục vụ dạy và học

- Mầm non:

+ Thiết bị dạy học hiện có: 305 bộ thiết bị dạy học tối thiểu, đảm bảo 100% các cơ sở giáo dục mầm non có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định (01 bộ/nhóm lớp).

+ Số phòng Tin học hiện có: 09 phòng tin học tại các cơ sở giáo dục mầm non, 100 máy tính sử dụng trong dạy và học, 156 máy tính phục vụ cho công tác văn phòng.

+ Số phòng học có máy chiếu phục vụ cho dạy và học: 105 phòng.

- Tiểu học:

+ Thiết bị dạy học hiện có: 451 bộ thiết bị dạy học tối thiểu, đảm bảo 01 bộ/lớp, trong đó thiết bị dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018: 285 bộ (lớp 1: 105 bộ, lớp 2: 102 bộ, lớp 3: 78 bộ).

+ Số phòng tin học hiện có: 27 phòng, đảm bảo 100% các trường tiểu học và cấp tiểu học tại các trường TH&THCS đều có phòng máy tính để tổ chức dạy học môn Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Số máy tính hiện có: 632 máy, trong đó: số máy tính sử dụng để dạy học: 468 máy, số máy tính phục vụ cho công tác văn phòng: 164 máy.

+ Số phòng học có máy chiếu phục vụ cho dạy và học: 180 phòng.

- Trung học cơ sở:

+ Thiết bị dạy học hiện có: 202 bộ, đảm bảo 01 bộ/môn/lớp, trong đó thiết bị dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018: 105 bộ (lớp 6: 54 bộ, lớp 7: 51 bộ).

+ Số phòng tin học hiện có: 19 phòng, đảm bảo 100% các trường THCS có phòng máy tính để tổ chức dạy học môn Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Số máy tính hiện có: 634 máy, trong đó: số máy tính sử dụng để dạy học: 479 máy, số máy tính phục vụ cho công tác văn phòng: 155 máy.

+ Số phòng học có máy chiếu phục vụ cho dạy và học: 147 phòng

- Trung học phổ thông:

+ Thiết bị dạy học hiện có cơ bản đáp ứng được yêu cầu dạy và học, thiết bị dạy học tối thiểu đảm bảo 01 bộ/môn/lớp.

+ Các cơ sở giáo dục đều có phòng Tin học để tổ chức dạy học và tham gia các chương trình tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn trực tuyến và tham gia các cuộc thi trên mạng Internet. Số lượng máy tính, máy chiếu phục vụ cho công tác quản lý và dạy học cơ bản đáp ứng được yêu cầu đối với các đơn vị.

- Giáo dục thường xuyên: Thiết bị dạy, sách giáo khoa lớp đáp ứng nhu cầu dạy và học theo chương trình phổ thông 2018, cụ thể: Trung tâm có 01 phòng Tin học với 35 bộ máy tính, máy chiếu 03 bộ.

* Đánh giá chung về thiết bị dạy học

- Ưu điểm:

+ Các cơ sở giáo dục cơ bản có đủ thiết bị dạy học tối thiểu để tổ chức dạy và học; thiết bị dạy học phục vụ đổi mới Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông được đầu tư mua sắm đồng bộ theo đúng danh mục quy định của Bộ GD&ĐT, trang cấp đủ cho các cơ sở giáo dục.

+ Có đủ phòng bộ môn Tin học (đối với các cơ sở giáo dục phổ thông) để tổ chức dạy, học và phục vụ các cuộc thi trên mạng Internet; có tương đối đủ số lượng máy tính, máy chiếu phục vụ cho công tác quản lý và dạy học.

- Tồn tại:

+ Một số thiết bị dạy học đã xuống cấp, thiếu đồng bộ, hỏng hóc, độ chính xác không cao.

+ Hệ thống máy tính phục vụ cho việc học tập của học sinh chưa đáp ứng yêu cầu (nhiều máy tính được cấp, tặng từ lâu đã hỏng, số còn lại cấu hình thấp không phù hợp cho việc dạy và học, ...). Số lượng máy tính trong các phòng Tin học thiếu chưa đáp ứng được yêu cầu 01 học sinh/máy.

+ Chưa được cấp thiết bị dạy học tối thiểu cho lớp 10 thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018.

3. Đội ngũ công chức, viên chức và người lao động

a) Số lượng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

- Mầm non: Tổng số hiện có 699 người, trong đó: Cán bộ quản lý: 69 người (trên chuẩn: 67 người, đạt chuẩn: 02 người); giáo viên: 514 người (trên chuẩn: 381 người, đạt chuẩn: 130 người, chưa đạt chuẩn: 04 người); nhân viên: 116 người. So với định mức còn thiếu 172 người, trong đó: cán bộ quản lý: 02 người, giáo viên: 170 người, nhân viên: 0 người.

- Tiểu học: Tổng số hiện có 713 người, trong đó: Cán bộ quản lý: 51 người (trên chuẩn: 00 người, đạt chuẩn: 48 người, chưa đạt chuẩn: 03 người); giáo viên: 569 người (trên chuẩn: 01 người, đạt chuẩn: 393 người, chưa đạt chuẩn: 175 người); nhân viên: 93 người. So với định mức còn thiếu 81 người, trong đó: cán bộ quản lý: 07 người, giáo viên: 64 người, nhân viên: 10 người.

- Trung học cơ sở: Tổng số hiện có 465 người, trong đó: Cán bộ quản lý: 35 người (trên chuẩn: 03 người, đạt chuẩn: 32 người, chưa đạt chuẩn: 00 người); giáo viên: 346 người (trên chuẩn: 02 người, đạt chuẩn: 317 người, chưa đạt chuẩn: 27 người); nhân viên 84 người. So với định mức còn thiếu 55 người, trong đó: cán bộ quản lý: 02 người, giáo viên: 43 người, nhân viên: 10 người.

- Trung học phổ thông: Tổng số hiện có 214 người, trong đó: Cán bộ quản lý: 13 người, giáo viên: 167 người, nhân viên: 34 người. Trong đó tỉ lệ cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn trở lên đạt 100%.

- Trung tâm GDNN-GDTX: Tổng số hiện có 17 người, trong đó: Cán bộ quản lý: 03 người, giáo viên: 12 người, nhân viên: 02 người. Số cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn trở lên: 15 người (tỉ lệ 100%).

b) Đánh giá về số lượng, chất lượng đội ngũ

- Ưu điểm:

+ Về số lượng đội ngũ cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đối với các cấp học.

+ Về chất lượng: tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn đối với các cấp học tương đối cao, trong đó giáo viên đạt trình độ trên chuẩn đạt 27,08%; hằng năm 100% giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp từ đạt trở lên, trong đó có trên 60% đạt mức Tốt.

- Tồn tại:

+ Về số lượng: Thiếu giáo viên so với định mức (ở cấp học Mầm non), giáo viên chuyên (Tiếng Anh, Tin học) đối với cấp Tiểu học, nhân viên kỹ thuật thông tin và thiết bị thí nghiệm (ở cấp THPT).

+ Về chất lượng: Còn giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục năm 2019; tỉ lệ giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ còn cao (đối với cấp Tiểu học).

4. Phổ cập giáo dục - xóa mù chữ

a) Số lớp, số học viên học XMC đã hoàn thành và đang thực hiện

- Đến thời điểm báo cáo đang thực hiện 07 lớp (tại các xã Phình Sáng, Mường Mùn, Mường Khong) với 122 học viên.

- Tiếp tục mở các lớp xóa mù chữ giai đoạn 2 năm 2023 tại các xã Mường Khong, Rạng Đông, Tênh Phong với 13 lớp và 243 học viên; thời gian dự kiến mở lớp trong tháng 3/2023.

b) Kết quả cụ thể PCGD, XMC năm 2022, 2023 (ước)

- Xóa mù chữ: Tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi 15-35 tuổi đạt 99,3%; trong độ tuổi 15-60 tuổi đạt 96,1%; 19/19 xã duy trì đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; huyện duy trì đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi: 19/19 xã/thị trấn duy trì kết quả PCGDMN cho trẻ em 5 tuổi; huyện duy trì chuẩn PCGDMN cho trẻ em 5 tuổi.

- Phổ cập giáo dục tiểu học: 19/19 xã, thị trấn duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; huyện duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3;

- Phổ cập giáo dục THCS: Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp tiểu học vào lớp 6 đạt 100%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 100%; tỷ lệ dân số 15-18 tuổi có bằng tốt nghiệp THCS đạt 97,6%; tỉ lệ dân số 15-18 tuổi học THPT và tương đương đạt 72,7%.

- 19/19 xã/thị trấn đạt và duy trì chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2; 18/19 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3. Huyện duy trì đạt chuẩn THCS mức độ 2.

* Đánh giá chung về kết quả thực hiện XMC và PCGD các cấp học

- Ưu điểm:

+ Đến thời điểm báo cáo, các tiêu chí về PCGD, XMC của huyện đều đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch giao.

+ Các tiêu chí về PCGD, XMC ở các xã trong lộ trình xây dựng nông thôn mới được duy trì ở mức cao và bền vững.

- Hạn chế:

+ Tỷ lệ huy động dân số trong độ tuổi 15-18 tuổi học THPT và bỏ tụt THPT của một số xã đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3 chưa bền vững.

+ Tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi 15-60 tuổi đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 của một số xã còn thấp so với mặt bằng chung của huyện.

5. Công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

a) Kiểm định chất lượng giáo dục:

TT	Cấp học	Tổng số trường	Số trường đã kiểm định			
			Tổng số	Cấp độ		
				1	2	3
1	Mầm non	24	21	15	6	
2	Tiểu học	21	19	12	7	
3	THCS	17	15	8	7	
4	THPT	4	2	2		
5	GDTX	1				
	Cộng	67	57	37	20	

b) Trường chuẩn quốc gia

TT	Cấp học	Tổng số trường	Số trường đạt chuẩn quốc gia			
			Tổng số	%	Mức độ	
					1	2
1	Mầm non	24	20	83,3	14	6
2	Tiểu học	21	19	90,5	13	6
3	THCS	17	15	88,2	8	7
4	THPT	4	2	50	2	
5	GDTX	1				
	Cộng	67	56	84,8	37	19

* Đánh giá chung về công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

- Ưu điểm: Đến thời điểm báo cáo, số lượng, tỉ lệ trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia các cấp học đạt kế hoạch giao.

- Tồn tại: Số lượng, tỉ lệ trường đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3, đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 còn thấp.

6. Đối với các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

6.1. Trường PTDTNT THPT Tuần Giáo

- Về quy mô tuyển sinh: 140 học sinh, đạt 100% kế hoạch giao

- Về cơ sở vật chất:

+ Tổng số phòng học hiện có: 19 phòng, trong đó: Phòng học thông thường: 14 phòng, phòng học bộ môn: 05 phòng; tỉ lệ kiên cố 100%.

+ Phòng ở cho học sinh nội trú: 41 phòng; tỉ lệ kiên cố 100%.

+ Phòng công vụ cho giáo viên: Không

+ Công trình vệ sinh cho giáo viên: 01

+ Công trình vệ sinh cho học sinh: 02

+ Công trình khác: Nhà đa năng, bếp ăn, nhà ăn, khu nhà Ban giám hiệu, Khu nhà lớp học, Thư viện, ...

- Về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục: Tổng số viên chức, người lao động: 44 người, trong đó: Cán bộ quản lý: 03 người, giáo viên: 26 người, nhân viên: 07 người, người lao động: 08 người. Trong đó tỉ lệ cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn trở lên đạt 100%.

6.2. Trường THPT Tuần Giáo

- Về quy mô tuyển sinh: 350 học sinh, đạt 100% kế hoạch giao.

- Về cơ sở vật chất:

+ Tổng số phòng học các loại: 27 phòng, trong đó: Phòng học thông thường: 20 phòng, phòng học bộ môn: 07 phòng; tỉ lệ kiên cố: 100%.

+ Phòng ở cho học sinh nội trú: 18 phòng; tỉ lệ kiên cố 100%.

+ Phòng công vụ cho giáo viên: Không

+ Công trình vệ sinh cho giáo viên: 01 công trình.

+ Công trình vệ sinh cho học sinh: 02 công trình.

+ Công trình khác: Nhà đa năng, bếp ăn, nhà ăn, khu nhà Ban giám hiệu, Khu nhà lớp học, Thư viện, ...

- Về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục: Tổng số viên chức, người lao động: 68 người, trong đó: Cán bộ quản lý: 04 người, giáo viên: 56 người, nhân viên: 08 người. Trong đó tỉ lệ cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn trở lên đạt 100%.

6.3. Trường THPT Mùn Chung

- Về quy mô tuyển sinh: 210 học sinh, đạt 95,5% kế hoạch giao.

- Về cơ sở vật chất:

+ Tổng số phòng học các loại: 21 phòng, trong đó: Phòng học thông thường: 15 phòng, phòng học bộ môn: 06 phòng; tỉ lệ kiên cố: 100%.

+ Phòng ở cho học sinh nội trú: 27 phòng; tỉ lệ kiên cố 100%.

+ Phòng công vụ cho giáo viên: 14 phòng

+ Công trình vệ sinh cho giáo viên: 01 nhà

+ Công trình vệ sinh cho học sinh: 02 nhà

+ Công trình khác: Nhà đa năng, bếp ăn, nhà ăn, khu nhà Ban giám hiệu, Khu nhà lớp học, Thư viện, ...

- Về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục: Tổng số hiện có 33 người, trong đó: Cán bộ quản lý: 03 người, giáo viên: 26 người, nhân viên: 04 người. Trong đó tỉ lệ cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn trở lên đạt 100%.

6.4. Trường THCS&THPT Quài Tở

- Về quy mô tuyển sinh: 342 học sinh, đạt 104,3% kế hoạch giao, trong đó: cấp THCS 156/148 (đạt 105,4% kế hoạch giao) cấp THPT 186/180 (đạt 103,3% kế hoạch giao).

- Về cơ sở vật chất:

+ Tổng số phòng học các loại: 28 phòng, trong đó: Phòng học thông thường: 22 phòng, phòng học bộ môn: 08 phòng; tỉ lệ kiên cố: 100%.

+ Phòng ở cho học sinh nội trú: 12 phòng.

+ Phòng công vụ cho giáo viên: 00 phòng.

+ Công trình vệ sinh cho giáo viên: 02 công trình.

+ Công trình vệ sinh cho học sinh: 02 công trình.

- Về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục: Tổng số hiện có 69 người, trong đó: Cán bộ quản lí: 03 người, giáo viên: 59 người, nhân viên: 07 người. Trong đó tỉ lệ cán bộ quản lí, giáo viên đạt chuẩn trở lên đạt 100%.

7. Công tác chỉ đạo dạy và học; đổi mới Chương trình SGK

7.1. Mầm non

- Phòng GD&ĐT đã chỉ đạo các trường thực hiện đảm bảo tiến độ chương trình; kịp thời xây dựng các loại kế hoạch chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học; tích cực thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng trong chăm sóc, giáo dục trẻ tại các trường mầm non; triển khai chương trình hướng dẫn chăm sóc, giáo dục trẻ tại gia đình và cộng đồng, vận động phụ huynh, cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên tích cực tăng gia chăn nuôi, trồng rau tổ chức cho 100% trẻ ăn bán trú tại trường. Chỉ đạo các trường bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên; kịp thời triển khai các văn bản chỉ đạo, vận dụng sáng tạo, có hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ tại các đơn vị trường. Chỉ đạo 100% trường tổ chức thi giảng cấp tổ, cấp trường; xây dựng chuyên đề cấp tổ, cấp trường, cụm trường; chỉ đạo các đơn vị tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng anh ở trong mọi hoạt động, đặc biệt tổ chức dạy theo hình thức tiết chuyên biệt được 9 lớp với hơn 100 trẻ tại trường Mầm non Thị trấn, 20/7.

- Hướng dẫn các trường thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả chuyên đề: “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”, chuyên đề “Nâng cao chất lượng giáo dục phát triển vận động cho trẻ trong trường mầm non”, “Xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn, thương tích cho trẻ”, tạo thư viện thân thiện cho trẻ làm quen với việc đọc sách, tranh truyện, chú trọng giáo dục kỹ năng sống, lồng ghép tích hợp giáo dục an toàn giao thông, giáo dục bảo vệ môi trường, biển hải đảo, ứng phó với biến đổi khí hậu, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Các trường tích cực tổ chức các hoạt động tăng cường tiếng Việt cho trẻ một cách phù hợp, linh hoạt giúp trẻ tự tin sử dụng tiếng Việt trong các hoạt động học tập, vui chơi. Kiểm tra, tư vấn nhóm trẻ Hoa Hồng (giao cho trường Mầm non Thị trấn kiểm tra và chịu trách nhiệm tư vấn chuyên môn). Tổ

chức tuyên truyền tới cha mẹ trẻ và cộng đồng về kiến thức nuôi dạy trẻ theo khoa học, về nuôi con khỏe, dạy con ngoan. Tuyên truyền tới cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và cha mẹ trẻ phòng, chống các dịch bệnh cho trẻ có hiệu quả như bệnh thủy đậu, sởi, bệnh sốt thương hàn, sốt xuất huyết, dịch đau mắt đỏ, bệnh quai bị..., đặc biệt là phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

7.2. Tiểu học

a) Chỉ đạo dạy và học

- Phòng GD&ĐT đã chỉ đạo các đơn vị xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2022-2023 theo đúng các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ, Sở GD&ĐT bảo đảm quy định, linh hoạt, phù hợp với điều kiện cụ thể của ngành, địa phương và các đơn vị.

- Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc kế hoạch, thời gian năm học theo chỉ đạo của UBND tỉnh, huyện; vận dụng linh hoạt khung chương trình và kế hoạch thời gian năm học để tổ chức các hoạt động giáo dục trong và ngoài giờ lên lớp, các hoạt động trải nghiệm nhằm nâng cao kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Việt đối với học sinh tiểu học.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục tích cực đổi mới, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, tăng cường ứng dụng CNTT trong đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh, chú trọng đánh giá bằng nhận xét sự tiến bộ của học sinh trong quá trình học tập.

- Thực hiện lồng ghép các nội dung giáo dục (Quốc phòng an ninh, An toàn giao thông, Biển và hải đảo, nội dung giáo dục địa phương, kỹ năng sống, giáo dục phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu...) vào các bài học, môn học; Tăng cường các giải pháp giáo dục học sinh về phòng tránh tai nạn đuối nước, đảm bảo an toàn trong trường học.

- 100% học sinh dân tộc thiểu số được tăng cường Tiếng Việt, tổ chức dạy tăng cường Tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số tối thiểu 1 tiết/tuần đối với lớp 1,2,3; Tổ chức tiết học thư viện đối với các lớp 1,2,3,4,5. Thiết lập, khai trương thư viện thân thiện tại 07 trường thuộc chương trình của tổ chức Room to Read.

b) Chỉ đạo thực hiện đổi mới Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch giáo dục theo hướng dẫn tại công văn số 2345/BGDĐT-GDTH và các văn bản hướng dẫn của các cấp. Căn cứ theo kế hoạch khung thời gian năm học và tình hình thực tế của tại nhà trường để xây dựng phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục, các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học phù hợp với đối tượng HS và tình hình thực tế tại đơn vị.

- Triển khai có hiệu quả CT GDPT 2018 đối với lớp 1,2,3 theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành CT GDPT 2018. Chuẩn bị đầy đủ sách giáo khoa, vở viết, đồ dùng học tập cho HS khi bước vào năm học mới.

- Thực hiện đánh giá xếp loại HS lớp 1,2,3 theo Thông tư số 27/2020/TT-

BGDĐT, ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT Ban hành đánh giá HS tiểu học. Nâng cao chất lượng đánh giá HS theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT đối với lớp 4,5. Thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch dạy học cho học sinh khuyết tật, luôn quan tâm và tạo mọi điều kiện để các em được học hòa nhập, có sổ theo dõi đánh giá sự tiến bộ của trẻ.

7.3. Trung học cơ sở

a) Chỉ đạo dạy và học

- Phòng GD&ĐT đã chỉ đạo các cơ sở giáo dục cấp THCS xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2022-2023 theo đúng các văn bản hướng dẫn của Bộ, Sở GD&ĐT bảo đảm quy định, linh hoạt, phù hợp với điều kiện cụ thể của ngành, địa phương và các đơn vị.

- Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc kế hoạch, thời gian năm học theo chỉ đạo của UBND tỉnh, huyện; vận dụng linh hoạt khung chương trình và kế hoạch thời gian năm học để tổ chức các hoạt động giáo dục trong và ngoài giờ lên lớp, các hoạt động trải nghiệm, tư vấn nghề nghiệp nhằm giáo dục kỹ năng sống, định hướng phân luồng học sinh sau THCS cho học sinh.

- Chỉ đạo các đơn vị tích cực đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; tăng cường ứng dụng CNTT trong dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của học sinh; bảo đảm cân đối giữa trang bị kiến thức, rèn luyện kỹ năng và định hướng thái độ, hành vi cho học sinh; chú ý việc tổ chức dạy học phân hóa theo năng lực của học sinh dựa theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình giáo dục phổ thông.

- Đổi mới phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá người học hướng tới phát triển năng lực của học sinh; coi trọng đánh giá để giúp đỡ học sinh về phương pháp học tập, động viên sự cố gắng, hứng thú học tập của học sinh trong quá trình dạy học, tăng cường ứng dụng CNTT trong kiểm tra, đánh giá.

- Chỉ đạo tăng cường giáo dục tích hợp khoa học-công nghệ-kỹ thuật-toán (STEM) trong việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông ở các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ, Tin học.

- Chỉ đạo tổ chức và tham gia các kì thi, hội thi phù hợp với điều kiện thực tế đảm bảo linh hoạt, sáng tạo, tiết kiệm.

b) Chỉ đạo thực hiện đổi mới Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện và triển khai Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT về việc ban hành Chương trình GDPT. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường, tổ chuyên môn và giáo viên theo đúng chỉ đạo tại Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

- Chỉ đạo thực hiện Chương trình, sách giáo khoa theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với các lớp 3, 7 theo đúng lộ trình.

- Chỉ đạo tổ chức kiểm tra đánh giá học sinh theo đúng các văn bản hướng dẫn của Bộ, Sở GD&ĐT; giao quyền tự chủ cho các nhà trường trong việc tổ chức kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

7.4. Trung học phổ thông

a) Chỉ đạo dạy và học

- Các cơ sở giáo dục đã xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2022-2023 theo Công văn số 1055/SGDĐT-GDTrH ngày 09/5/2022 của Sở GD&ĐT bảo đảm quy định, linh hoạt, phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường. Đối với lớp 10, nhà trường thực hiện theo Công văn số 5512/BGDĐTGDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường. Đối với lớp 11, lớp 12, nhà trường thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 hướng dẫn thực hiện chương trình GDPT hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh từ năm học 2017-2018.

- Tiếp tục thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, hình thức kiểm tra đánh giá học sinh theo các văn bản chương dẫn, chỉ đạo của Bộ, Sở GD&ĐT:

+ Tập trung đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, rèn luyện phương pháp tự học và vận dụng kiến thức, kỹ năng của học sinh. Đổi mới sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn theo nghiên cứu bài học, đổi mới đánh giá giờ dạy của giáo viên. Tăng cường ứng dụng CNTT, sử dụng có hiệu quả đồ dùng dạy học và dụng cụ thí nghiệm trong giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

+ Tổ chức giáo dục tích hợp khoa học-công nghệ-kỹ thuật-toán (STEM) trong việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông ở các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ, Tin học.

+ Đổi mới hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh theo đúng các văn bản chỉ đạo của Bộ, Sở GD&ĐT; thực hiện việc xây dựng đề, tổ chức kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo đúng quy định. Thường xuyên bổ sung thư viện câu hỏi và kho đề thi phục vụ dạy, học, thi của các nhà trường.

b) Thực hiện đổi mới Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

- Các cơ sở giáo dục đã triển khai thực hiện Chương trình, sách giáo khoa theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo đúng lộ trình (thực hiện đổi mới lớp 10 trong năm học 2022-2023).

- Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch giáo dục tổ chuyên môn và kế hoạch giáo dục của giáo viên theo định hướng tại Công văn 5512/BGDĐTGDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện kiểm tra, đánh giá học sinh theo đúng các văn bản hướng dẫn của Bộ, Sở GD&ĐT.

- Tổ chức lựa chọn sách giáo khoa sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông theo đúng quy định tại thông tư 25/2020/TT-BGDĐT.

7.5. Giáo dục thường xuyên

- Thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên theo Thông tư 12/2022/TT-BGDĐT ngày 26/7/2022 của Bộ GD&ĐT về Ban hành Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông với quy mô 04 lớp và 131 học viên chương trình bổ túc THPT. Thực hiện tuyển sinh năm học 2022-2023 đạt 100%.

- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2022: 35 lớp với 1072 học viên đạt 97,45% kế hoạch. Năm 2023 Trung tâm GDNN-GDTX huyện đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn tổ chức tuyển sinh các lớp dạy nghề đợt I năm 2023 (13 lớp dạy nghề hệ sơ cấp và đào tạo thường xuyên với 353 học viên).

- Tiếp tục duy trì 03 lớp Trung cấp với 68 học sinh. Mở 02 lớp trung cấp với 65 học sinh.

- Tổng số lớp, số học viên học nghề phổ thông: 02 lớp với 42 học viên (Nghề Tin học văn phòng).

- Phối kết hợp với trường cao đẳng nghề mở 05 lớp với 130 học sinh. Trong đó: 02 lớp Công tác xã hội với 54 học sinh; 01 lớp Kế toán với 22 học sinh, 02 lớp Tin học văn phòng với 54 học sinh.

8. Các Chương trình, dự án đầu tư cho giáo dục và đào tạo

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

+ Tiểu Dự án 1-Dự án 5: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PTDTBT, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và XMC cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số với tổng mức đầu tư thực hiện Tiểu Dự án cho toàn huyện là: 79.446 triệu đồng. Trong đó vốn đầu tư phát triển 79.446 triệu đồng.

Phòng GD&ĐT đã phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Ban quản lý dự án các công trình huyện xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện tại các đơn vị thụ hưởng. Thời gian triển khai trong tháng 3/2023, địa điểm thực hiện: Tại các trường phổ thông thụ hưởng dự án (PTDTBT THCS Ta Ma, PTDTBT THCS Phình Sáng, PTDTBT TH Nà Tông, PTDTBT TH Nậm Din, PTDTBT TH Mường Mùn, PTDTBT TH Bình Minh).

+ Tiểu Dự án 2, 3-Dự án 5: Phát triển giáo dục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực với 05 nội dung, tổng vốn đầu tư 3.636 triệu đồng. Thời gian triển khai thực hiện: trong năm 2023, địa điểm triển khai: Trung tâm GDNN-GDTX huyện (Theo Quyết định số 1684/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND huyện Tuần Giáo; Kế hoạch số 02/KH-GDNN-GDTX ngày 27/02/2023 của Trung tâm GDNN-GDTX huyện).

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững:

+ Tiêu dự án 1 - Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế xã hội các huyện nghèo, tổng mức đầu tư 30.000 triệu đồng. Thời gian triển khai thực hiện trong năm 2023, địa điểm triển khai: Trường PTDTBTTH Khong Hin (Theo Quyết định 1429/QĐ-UBND ngày 14/8/2022 của UBND tỉnh Điện Biên).

+ Tiêu dự án 1- Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững với 04 nội dung, tổng mức vốn đầu tư cho Tiêu dự án là 3.450 triệu đồng. Thời gian triển khai thực hiện: trong năm 2023, địa điểm triển khai: Trung tâm GDNN-GDTX huyện (Theo Quyết định số 1684/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND huyện Tuần Giáo; Kế hoạch số 02/KH-GDNN-GDTX ngày 27/02/2023 của Trung tâm GDNN-GDTX huyện).

9. Thực hiện chế độ, chính sách đối với học sinh

9.1. Đối với khối Phòng GD&ĐT

UBND huyện đã chỉ đạo Phòng GD&ĐT, các cơ sở giáo dục thực hiện nghiêm túc việc rà soát, chuẩn bị hồ sơ đề nghị thực hiện các chính sách đối với học sinh. Phê duyệt và chỉ đạo thực hiện kịp thời các chính sách đối với học sinh, không gây bức xúc trong dư luận. Kết quả thực hiện năm học 2022-2023:

- Chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 81/20/NĐ-CP của Chính phủ:

+ Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: 20.827 lượt học sinh với kinh phí 28.116 triệu đồng.

+ Đối tượng được hỗ trợ miễn giảm học phí: 9.969 lượt học sinh với kinh phí 1.040 triệu đồng.

- Chính sách hỗ trợ học sinh bán trú và trường phổ thông dân tộc bán trú theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ:

+ Hỗ trợ cho học sinh bán trú: Tổng số 4.629 học sinh với kinh phí dự kiến 27.294 triệu đồng.

+ Hỗ trợ gạo học sinh bán trú: Tổng số 4.629 học sinh với 6.249 triệu đồng (đơn giá 10.000đ/kg).

Việc mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng cho học sinh bán trú được thực hiện đảm bảo đúng định mức; các chính sách đặc thù đối với các trường PTDTNT, PTDTBT được thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

- Chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với trẻ mẫu giáo và học sinh, sinh viên là người dân tộc rất ít người theo quy định tại Nghị định 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017 của Chính phủ: 03 học sinh được hỗ trợ với kinh phí 19,788 triệu đồng.

- Chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ mẫu giáo 3 đến 5 tuổi theo quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ:

+ Đối tượng học sinh hỗ trợ ăn trưa: 5.093 học sinh với kinh phí 7.334 triệu đồng.

+ Đối tượng giáo viên mầm non hưởng chính sách hỗ trợ : 278 giáo viên với kinh phí 1.126 triệu đồng.

- Chính sách hỗ trợ học sinh khuyết tật theo quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày ngày 31/12/2013: Đối tượng học sinh khuyết tật được hỗ trợ: 886 lượt học sinh với kinh phí dự kiến 4.758 triệu đồng.

* Đánh giá chung về thực hiện chế độ chính sách cho học sinh, cán bộ, giáo viên.

- Ưu điểm:

+ Việc triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ giáo dục trên địa bàn luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp;

+ Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương với các cơ sở giáo dục, các tổ chức đoàn thể tại các xã, thị trấn trong việc tuyên truyền về các chính sách hỗ trợ của Đảng, Nhà nước đối với học sinh DTTS được thực hiện thường xuyên, hiệu quả.

+ Các chính sách hỗ trợ đối giáo dục được triển khai, thực hiện kịp thời, đúng đối tượng trên địa bàn huyện và tại các cơ sở giáo dục đã góp phần giảm bớt khó khăn cho học sinh và gia đình.

+ Cơ sở vật chất phục vụ cho việc dạy và học cơ bản đáp ứng được nhu cầu của người học và yêu cầu đổi mới GD&ĐT; chất lượng giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực; tỉ lệ học sinh bỏ học, đi học không chuyên cần giảm mạnh.

- Tồn tại:

+ Nhận thức của một bộ phận nhân dân vùng cao, vùng sâu còn hạn chế, chưa thực sự quan tâm đến việc học tập, còn ỷ lại vào các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với học sinh; còn hiện tượng phó mặc cho các thầy cô giáo khi học sinh ở nội trú tại trường.

+ Học sinh từ 0-36 tháng tuổi chưa có chính sách hỗ trợ gây khó khăn trong công tác huy động, chăm sóc nuôi dưỡng cho trẻ mầm non trong độ tuổi này.

+ Mức khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP bằng 135% mức lương cơ sở/01 tháng/30 học sinh là thấp, các nhà trường khó thuê được nhân viên nấu ăn phục vụ học sinh theo đúng định mức được giao; nhiều trường Tiểu học và THCS có học sinh ở bán trú nhưng do tỷ lệ chưa đạt quy định để trở thành trường bán trú vì vậy các nhà giáo công tác tại các trường này không được hưởng các chế độ phụ cấp trách nhiệm mặc dù vẫn thực hiện các nhiệm vụ như nhà giáo công tác trong các trường bán trú.

9.2. Đối với khối các trường THPT

Việc thực hiện các chế độ, chính sách hỗ trợ đối với học sinh diện chính sách được các đơn vị thực hiện nghiêm túc theo văn bản hướng dẫn của Sở GD&ĐT Điện Biên:

- Các đơn vị đã thực hiện tuyên truyền, phổ biến; xét duyệt, phê duyệt đối tượng học sinh thụ hưởng chính sách nghiêm túc, đầy đủ, đảm bảo theo quy định tại công văn số 2287/SGDDĐT-KHTC ngày 20/9/2022 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn quy trình thủ tục xét, thẩm định, phê duyệt đối tượng và thực hiện chính sách đối với học sinh:

- Đối học sinh được thụ hưởng: hỗ trợ tiền ăn, hỗ trợ gạo; hỗ trợ tiền nhà ở; hỗ trợ chi phí học tập; miễn, giảm học phí; học sinh được hưởng học sinh khuyết tật....

- Các đơn vị đã thực hiện xét duyệt, lập hồ sơ học sinh đề nghị hưởng các chính sách theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLTBGDĐT-BLĐTBXH-BTC, học kỳ II năm học 2022-2023 trình Sở GD&ĐT xem xét, phê duyệt theo quy định.

10. Kiến nghị

a) Với Sở Giáo dục và Đào tạo

- Đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất phục vụ công tác giáo dục nhà trường như: Máy tính phục vụ giảng dạy và học tập, xây tường bao đã bị đổ, các công trình sân trường, nhà vệ sinh.

- Tham mưu với UBND tỉnh Điện Biên bổ sung vào Kế hoạch đầu tư công các năm tiếp theo để triển khai xây dựng trường PTDTNT THPT huyện tại địa điểm mới, đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của học sinh các dân tộc huyện Tuần Giáo.

- Tham mưu UBND tỉnh kế hoạch thành lập trường THCS Quài Tở, trên cơ sở sắp xếp lại trường THCS-THPT Quài Tở đảm bảo quy mô và nâng cao chất lượng giáo dục; bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2025-2030.

b) Với UBND tỉnh

- Đề xuất HĐND tỉnh có chính sách thu hút giáo viên Tiếng Anh từ các tỉnh khác đến tuyển dụng tại tỉnh đảm bảo có đủ giáo viên Tiếng Anh để triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Kiến nghị với Bộ GD&ĐT, Bộ Tài chính để có chế độ hỗ trợ cho CBQL, giáo viên công tác tại các trường tiểu học, trung học cơ sở có học sinh ở bán trú nhưng không đủ điều kiện hưởng chính sách bán trú được trợ cấp, phụ cấp như trường PTDTBT.

- Đề nghị UBND tỉnh giao đủ số người làm việc năm 2023 đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, ngày 16 tháng 03 năm 2015 của liên Bộ: Bộ GD&ĐT và Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non; Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12/7/2017 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

- Kiến nghị với Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 65/2021/TT-BTC, ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính để Phòng GD&ĐT được chủ động xây mới cơ sở vật chất cho các trường từ nguồn kinh phí chi cho sự nghiệp giáo dục.

- Đề xuất HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung nội dung Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND, ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh có nội dung chi khen thưởng cho học sinh đạt giải trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa cấp huyện và khen thưởng giáo viên đạt thành tích trong các Hội thi cấp huyện.

Trên đây là Báo cáo tình hình giáo dục và đào tạo huyện Tuần Giáo năm học 2022-2023./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- LĐ UBND huyện
- Các phòng: GD&ĐT, Nội vụ, TC-KH;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mùa Va Hồ